|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần** | **Ngày soạn** |
| **Tiết** | **Ngày dạy** |

**BÀI TẬP ÔN TẬP CUỐI CHƯƠNG VIII**

**(3 TIẾT)**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** HS được củng cố nội dung các kiến thức đã học của chương

- Định lý Thalès

- Đường trung bình của tam giác.

- Tính chất tia phân giác của góc trong tam giác

- Các trường hợp đồng dạng của tam giác.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Viết đúng các góc tương ứng bằng nhau, các cạnh tương ứng tỷ lệ của hai tam giác đồng dạng; chứng minh hai tam giác đồng dạng.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**B.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Thước thẳng, thước đo góc, compa, KHBD, laptop,...

**2. Học sinh:** Thước kẻ, compa, thước đo góc.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Hoạt động mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Học sinh nhớ lại nội dung kiến thức lí thuyết đã học ở chương VIII.

**b) Nội dung: K**iến thức đã học: Định lý Thalès, Đường trung bình của tam giác, tính chất tia phân giác của góc trong tam giác, tam giác đồng dạng

**c) Sản phẩm:** ôn tập lý thuyết.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Nêu Định lý Thalès trong tam giác

- Đường trung bình của tam giác.

- Nêu tính chất tia phân giác của tam giác.

- Nêu các trường hợp đồng dạng của hai tam giác?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 10 phút.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4: Kết luận, nhận định:***

GV đánh giá kết quả của HS

**II-III. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

**Hoạt động 1: Luyện dạng bài tập trắc nghiệm**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng nhanh lý thuyết để làm bài tập trắc nghiệm.

**b) Nội dung:** Bài tập trắc nghiệm 1,2 (SGK- 94)

**c) Sản phẩm:** HS hiểu cách làm và làm đúng các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS làm bài tập 1, 2 (SGK -94)

**Bài 1**: Cho ΔDEG ΔMNP , = 600, = 400

a) Số đo góc D bằng bao nhiêu độ?

A.400 B.500 C.600 D.800

b)số đo góc N bằng bao nhiêu độ?

A.400 B.500 C.600 D.800

c)số đo góc P bằng bao nhiêu độ?

A.400 B.500 C.600 D.800

**Bài 2**: Cho ΔDEG ΔMNP , DE = 2cm, DG = 4cm , MN = 4cm , NP = 6cm

a)Độ dài cạnh EG là

A.2cm B.3cm C.4cm D.8cm

b)Độ dài cạnh MP là

A.2cm B.3cm C.4cm D.8cm

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 10 phút.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4: Kết luận, nhận định:***

GV đánh giá kết quả của HS

Đáp án:

**Bài 1:** a) A b) C c)D

**Bài 2:** a) B b) D

**Hoạt động 2: Luyện dạng bài tập tính toán**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng lý thuyết để làm bài tập tính độ dài các cạnh.

**b) Nội dung:** Bài tập 7 (SGK- 95)

**c) Sản phẩm:** HS hiểu cách làm và làm đúng các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm làm bài tập 7 (SGK -95)

**Bài 7**: Tính độ dài x,y,z, t ở các hình 104a,104b, 104c

**A**

**B**

**C**

**N**

**M**

**x**

**2**

**6**

**3**

**104a)**

)

)

**G**

**H**

**D**

**E**

**F**

**7,8**

y

**9**

**6**

**2**

))

))

**I**

**J**

**K**

**L**

**3,6**

**2,4**

**3**

**t**

**104c)**

》

》

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS thực hiện nhiệm vụ.

Nhóm 1: làm hình 104a

Nhóm 2: làm hình 104b

Nhóm 3: làm hình 104c

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4: Kết luận, nhận định:***

GV đánh giá kết quả của HS

**Đáp án**:

**104a)**

Ta có : mà 2 góc ở vị trí so le trong

* MN // BC

Xét ΔABC có : MN // BC (cmt)

* (Định lý Thalès)

Thay số:

* x= 4 (đvđd)

Vậy x= 4(đvđd)

**104b)**

Ta có : mà 2 góc ở vị trí so le trong

* GH // EF

Xét ΔDEF có : GH // EF(cmt)

* (Hệ quả Thalès)

Thay số:

* y= 3 (đvđd); z = 2,6 (đvđd)

Vậy y= 3 (đvđd); z = 2,6 (đvđd)

**104c)**

Xét ΔIJL có: IK là tia phân giác của góc

=> ( t/c tia phân giác)

Thay số:

* t= 2 (đvđd)

Vậy t = 2 (đvđd)

**Hoạt động 3: Luyện dạng bài chứng minh**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng lý thuyết để làm bài tập chứng minh.

**b) Nội dung:** Bài tập 5 (SGK- 94), Bài tập 9 (SGK- 95), Bài tập 11 (SGK- 96)

**c) Sản phẩm:** HS hiểu cách làm và làm đúng các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện**

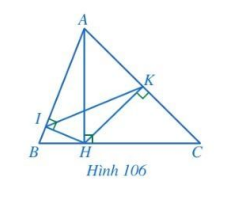
***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS làm bài tập 5 (SGK -94), bài tập 9 (SGK -95), bài tập 11 (SGK -96)

**Bài 5:**

Cho hình bình hành ABCD. Gọi M, N, P lần lượt là trung điểm của các đoạn thẳng AB, BC, AN và Q là giao điểm của AN và DM. Chứng minh:

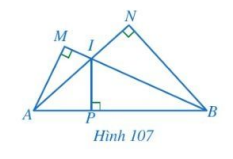
1. MP // AD ; MP = AD
2. AQ = AN
3. Gọi R là trung điểm của CD. Chứng minh M, P, Q thẳng hàng và PR= AD



**Bài 9**: Cho hình 106. Chứng minh:

a)AH2 = AB. AI = AC. AK

b)



**Bài 11:** Cho Hình 107. Chứng minh:

1. ΔABN ∽ΔAIP và AI. AN = AP .AB
2. AI .AN + BI. BM = AB2

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS thực hiện nhiệm vụ.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

***Bước 4: Kết luận, nhận định:***

GV đánh giá kết quả của HS

**Đáp án:**

**Bài 5 (SGK – 94)**

1. Xét ΔABN có :

* MP là đường trung bình của ΔABN
* MP //BN ; MP = ½ BN

Ta có : MP //BN (cmt) mà BC //AD (t/c hình bình hành)

* MP // AD

Ta có: MP = ½ BN mà BN =1/2 BC( M là trung điểm của BC)

* MP = ¼ BC mặt khác BC = AD ( t/c hình bình hành)
* MP = ¼ AD (đfcm)

1. Xét ΔADQ có: MP // AD (cmt)

=> (Hệ quả Thalès)

Mà MP = ¼ AD (cmt)

=>= 4

=>= 4

=> AQ = 4. QP

=> AQ =. AP

mà AP =. AN (P là trung điểm của AN)

=> AQ =. . AN = . AN (đfcm)

c)Ta có:

AB=CD (t/c hbh)

AM= ½ AB (gt)

DR= ½ DC (gt)

=>AM = DR (1)

AB // CD (t/c hbh)

=>AM // DR (2)

Từ (1) và (2) => tứ giác AMRD là hình bình hành

=>RM // DA (tc hbh)

Mà MP //AD (cmt)

=> M, R, P thẳng hàng (tiên đề Oclit)

Ta có: MR = AD (Tc hbh)

=> MP + PR = AD

=> AD + PR = AD

=> PR = AD

**Bài 9 (SGK – 95)**

1. Xét ΔAHB và ΔAIH có:

(gg)



Xét có 





Từ (1) và (2): 

b) Theo a ta có: 

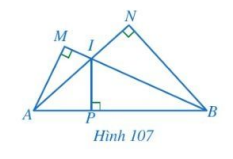


Xét và có: 

(c.g.c)

( hai góc tương ứng).

**Bài tập 11-sgk 96**

 a) Tương tự bài 9 phần a

b) Theo phần a ta có: AI.AN = AP.AB (3)

Hoàn toàn tương tự ta chứng minh được:

BI.BM = PB.AB (4)

Từ (3) và (4) ta được:

AI.AN + BI.BM = AP.AB + PB.AB



hay 

**IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Ôn tập lại nội dung các kiến thức đã học

+ Xem lại các bài tập đã chữa

+ Chuẩn bị kiến thức tốt nhất cho bài kiểm tra cuối học kì